

Số/ No.: 20230518/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
Tại: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* **FUEKIVFS**
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange date:* **17/05/2023**
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2023
Ho Chi Minh City, May 18, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	3,600	9.63%
2	AGR	100	0.13%
3	BID	300	1.44%
4	BMI	100	0.24%
5	BSI	100	0.31%
6	BVH	100	0.48%
7	CTG	900	2.69%
8	CTS	100	0.19%
9	EIB	1,700	3.51%
10	EVF	400	0.35%
11	FTS	100	0.28%
12	HCM	300	0.82%
13	HDB	2,300	4.80%
14	LPB	1,900	2.83%
15	MBB	3,200	6.44%
16	MIG	100	0.19%
17	MSB	2,200	2.85%
18	OCB	1,000	1.82%
19	ORS	200	0.29%
20	SHB	3,200	3.97%
21	SSB	2,000	6.50%
22	SSI	1,400	3.43%
23	STB	2,300	6.74%
24	TCB	3,000	9.57%
25	TPB	1,200	3.06%
26	VCB	700	6.94%
27	VCI	400	1.39%
28	VDS	100	0.11%
29	VIB	1,400	3.13%
30	VIX	800	0.88%
31	VND	1,200	2.00%
32	VPB	6,000	12.59%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	3,564,754	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND)
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND)
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND)

930,773,000
934,337,754
3,564,754



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	25,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	45,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	28,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
4	BVH	45,300	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HCM	25,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	LPB	13,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	18,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MSB	12,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	OCB	17,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TCB	29,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	TPB	23,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	VCB	92,600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
13	VCI	32,400	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
14	VIB	20,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
15	VPB	19,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
Chỉ tiêu/ Criteria		Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>		17/05/2023	16/05/2023	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>				-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>		7,700,000	7,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>		9,400.00	9,390.00	10



Chi tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	17/05/2023	16/05/2023	
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	71,944,007,070	71,952,389,764	(8,382,694)
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	934,337,754	934,446,620	(108,866)
của 1 CCQ/ per Share	9,343.37	9,344.46	(1.09)
6. Chi số tham chiếu/ Tracking Index	1,635.57	1,654.67	(19.10)

(*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 16/05/2023 / Item 5 is net asset value at 16/05/2023
(**) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 15/05/2023 / Item 5 is net asset value at 15/05/2023



Yun Hang Jin
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

